

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ LỘC  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18/01/2023

V/v ly hôn giữa chị T và anh N

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* ông Trần Đức Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Công.

2. Ông Nguyễn Hữu Tinh.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Trần Công Thương, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định** tham gia phiên tòa: bà Thiều Thị Lan Anh, là Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1998; nơi cư trú: thôn A, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

2. **Bị đơn:** anh Trần Thọ N, sinh năm 1998; nơi cư trú: thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, chị T và anh N vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Chị T và anh Trần Thọ N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 3 năm

2020 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hai người đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2021, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Giữa chị T và anh N có một con chưa thành niên tên là Trần Nguyễn Hải Y, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2020, hiện tại con đang sinh sống cùng với mẹ. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con. Về cấp dưỡng cho con, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Giữa chị T và anh N không có tài sản và nợ chung, các vấn đề khác chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Thọ N, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ nhưng anh N không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị T và anh N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 9 năm 2021, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung: Do con Trần Nguyễn Hải Y chưa đủ 3 tuổi, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh N.

[2] Về hôn nhân: Giữa chị T và anh N kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký

kết hôn ngày 30 tháng 3 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa hai người không hạnh phúc và đã sống ly thân, không ai còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Xét thấy, chị T và anh N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho chị T ly hôn anh N là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con: Chị T trình bày giữa chị và anh N có một con chung chưa thành niên tên là Trần Nguyễn Hải Y. Sau khi ly hôn, chị có đề nghị được nuôi dưỡng con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo gọi anh N đến Tòa án làm việc, để thể hiện quan điểm của mình nhưng anh N không đến Tòa án và không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án. Xét thấy, con Trần Nguyễn Hải Y dưới 36 tháng tuổi, đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng con, căn cứ quy định tại các khoản 1 và 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì con chung sẽ giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng cho con: chị T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị T trình bày là không có tài sản và nợ chung, các vấn đề khác không đề nghị giải quyết. Anh N vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết tài sản, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản.

[5] Về án phí dân sự: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Chị T có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh N có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

*Vĩ các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 1 khoản 3 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc T ly hôn anh Trần Thọ N.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Nguyễn Hải Y, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2020 cho đến khi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: không giải quyết.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con và trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản và nợ chung: không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, theo biên lai số: 0004059 ngày 14 tháng 11 năm 2022, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Mỹ Lộc;
- Ủy ban ND xã M, huyện L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

**Trần Đức Cường**